| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 15**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 27/2025/DS-ST
Ngày: 29 - 7 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Trần Thanh Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương

2. Bà Đỗ Thị Thu Hà

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh:*** *không tham gia phiên tòa*.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1021/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2025 và Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 57 ngày 27/6/2025 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP S1; địa chỉ trụ sở: 2 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1989, là Phó phòng Phòng G của Ngân hàng TMCP S1 - Chi nhánh B - Phòng G, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 12 ngày 26/5/2025), có đơn vắng mặt.

*2. Bị đơn*: Bà Võ Phan Vĩnh T, sinh năm: 1986; địa chỉ: Số B, Tổ D, Khu phố F, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ; Số I đường T, Khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày*:**

Ngày 12/12/2022, bà Võ Phan Vĩnh T được Ngân hàng TMCP S1 cấp hạn mức thẻ tín dụng với số tiền là 100,000,000 (bằng chữ: một trăm triệu đồng), mục đích tiêu dùng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Loại thẻ bà T sử dụng là Visa Platinum cashback**,** số thẻ: 3409807983. Thời hạn hiệu lực thẻ: 12/12/2022 - 01/12/2027. Lãi suất thẻ tín dụng: 29,8%/năm được ghi trong giấy đề nghị. Về phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu (phí phạt chậm thanh toán): 6% trên số tiền trễ hẹn tối thiểu 100.000 đồng. phí vượt hạn mức: 0,75%/ngày/ trên số tiền vượt hạn mức tối thiểu 50.000 đồng. Phí này được chuyển sang nợ quá hạn nếu bà T quá hạn thanh toán.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng dư nợ 184.620.000 đồng. Đến tháng 08/5/2023, bà T không trả nợ theo thỏa thuận nên Ngân hàng TMCP S1 chuyển sang nợ quá hạn và khóa thẻ vào ngày 09/5/2023.

Tính đến hết ngày 28/5/2025, bà T còn nợ Ngân hàng TMCP S1 tổng số tiền 227.978.992 đồng, trong đó nợ gốc 125.242.406 đồng, nợ lãi trong hạn 68.491.057 đồng, lãn quá hạn 34.245.529 đồng.

***- Bị đơn bà Võ Phan Vĩnh T:*** Quá trình giải quyết vụ án, bà T không đến Tòa án làm việc, hòa giải; không giao nộp văn bản ghi ý kiến và giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

***Tại phiên tòa,***

- Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng S có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, giao nộp cho Tòa án Bảng tóm tắt sao kê gốc, lãi đối với khách hàng Võ Phan Vĩnh T tính đến ngày 29/7/2025 đối với khoản vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 02/12/202 như sau:

+ Nợ gốc: 104.891495.406 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 129.723.909 đồng.

Tổng cộng : 237.615.404 đồng

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt bà T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S1 là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015). Do bị đơn có nơi cư trú tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh (quy định khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015). Về thời hiệu khởi kiện, do bị đơn không có yêu cầu áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện, vì vậy Tòa án không nhận định về

thời hiệu khởi kiện, xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự).

[2] Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của đại diện nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn, phù hợp Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa chấp nhận.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo cho bà T đến Tòa án để giải quyết việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với Ngân hàng TMCP S1. Tuy nhiên, bà T không đến. Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Sau khi kết thúc phiên họp, Tòa án thông báo kết quả phiên họp cho bà T biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định nhưng bà T không có ý kiến phản bác lời trình bày của đại diện nguyên đơn và các giấy tờ, tài liệu do nguyên đơn giao nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa căn cứ lời trình bày và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp để giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[4.1] Xét Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 02/12/202, thấy rằng:

Về hình thức và nội dung của thẻ tín dụng kiêm hợp đồng không trái pháp luật, phù hợp Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 23; khoản 1, 4 Điều 27 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng và hoạt động thẻ ngân hàng nên phát sinh hiệu lực.

Xét thấy, thẻ tín dụng trên là loại hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi suất. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T không thanh toán tiền nợ gốc và lãi đúng thời hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay được quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, vi phạm Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, Ngân hàng TMCP S1 khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ là hoàn toàn chính đáng, phù hợp Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên Tòa chấp nhận.

[4.2] Về lãi suất và tiền lãi:

Theo quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng và Điều 13, 14 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N thì tổ chức tín dụng được quyền thỏa thuận mức lãi suất cho vay, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và các loại phí liên quan đến hợp đồng tín dụng với bên vay.

Đối chiếu các quy định pháp luật nêu trên, xét thấy thỏa thuận về mức lãi suất cho vay, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và các loại phí trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân giữa Ngân hàng TMCP S1 và bà T không trái quy định pháp luật nên Tòa chấp nhận số tiền lãi ngân hàng yêu cầu bà T trả theo Bảng tóm tắt sao kê ngày 29/7/2025 của Ngân hàng TMCP S1.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Võ Phan Vịnh T1 phải chịu án phí trên số tiền nợ phải trả cho nguyên đơn. Ngân hàng TMCP S1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 92, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

- Căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015 và các điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S1 đối với bị đơn bà Võ Phan Vĩnh T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Về tiền nợ: Buộc bà Võ Phan Vĩnh T trả cho Ngân hàng TMCP S1 tổng số tiền: 237.615.404đ (hai trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm mười lăm ngàn bốn trăm lẻ bốn đồng), trong đó: Nợ gốc 107.891.495 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 29/7/2025 là: 129.723.909 đồng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 02/12/202.

Tiền lãi, phí kể từ ngày tiếp theo của ngày 29/7/2025 trở đi được tiếp tục tính trên dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân nêu trên cho đến khi bà T trả hết nợ.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà T chịu số tiền 11.881.000đ (mười một triệu tám trăm tám mươi mốt ngàn đồng).

Ngân hàng TMCP S1 được nhận lại số tiền 4.616.000đ (bốn triệu sáu trăm mười sáu ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008501, ngày 13/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

**3.** Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND TP.HCM (CS2)
- VKSND KV15 - TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Bình**